TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DSST
Ngày: 15-7-2020
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thông

2. Bà Phạm Thị Thu Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên toà: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị T sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983 và bà Hoàng Thị T1 sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn 17, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:**

Do quen biết, nên ngày 20/12/2018 bà Trần Thị T cho ông Nguyễn Thanh V và bà Hoàng Thị T1 vay 100.000.000đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ ông V, bà T1 thế chấp cho bà T Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CP 179197 do UBND huyện M cấp ngày 06/12/2018 diện tích đất: 854,9m2, tại thửa số 86, tờ bản đồ 95, địa chỉ: xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Quá thời hạn cho vay, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà T1 trả nợ, nhưng đến nay vẫn chưa trả nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà T1 phải trả 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 20/12/2018. Sau khi trả hết nợ, bà T sẽ trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã tín chấp cho bà T.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:**

Việc bà T khởi kiện ông V, bà T1 đối với số tiền vay 100.000.000đồng vào ngày 20/12/2018 và việc tín chấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giữa hai bên là hoàn toàn đúng sự thật. Bị đơn đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã tín chấp, không tính lãi suất trên nợ gốc và cho bị đơn trả nợ dần.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T1 không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Pháp luật.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Bị đơn bà T1 vắng mặt tại địa phương, Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng để đưa vụ án ra xét vắng mặt bị đơn là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử(HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về án phí: ông Nguyễn Thanh V, bà Hoàng Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 17, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Bị đơn, bà Hoàng Thị T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền vay:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 20/12/2018 các bên xác lập hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 100.000.000đồng. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bên vay đã tín chấp quyền sử dụng đất. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn, nhưng bên vay không thực hiện đúng với nội dung hợp đồng đã cam kết. Do đó, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có cơ sở, bị đơn cũng đã thừa nhận. Nên HĐXX căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự để buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho nguyên đơn.

Ông V và bà T1 là vợ chồng, nhưng tại Quyết định số 08/2014/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã công nhận thuận tình ly hôn giữa ông V và bà T1. Do đó, các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ liên đới, phân chia theo phần cụ thể: ông V và bà T1 mỗi người phải trả cho bà T 50.000.000đồng.

[2.2] Về tiền lãi suất:

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ về tiền lãi suất phát sinh, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về giấy tờ tín chấp:

Bị đơn tín chấp cho nguyên đơn Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CP 179197 do UBND huyện M cấp ngày 06/12/2018 diện tích 854,9m2, thửa số 86, tờ bản đồ 95, địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk mang tên Hoàng Thị T1. Mục đích tín chấp là để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, sau khi bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn phải trả lại Giấy tờ đã tín chấp cho bị đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tương ứng với khoản tiền của mỗi bị đơn phải trả cho nguyên đơn(100.000.000đồng : 2 X 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh V, bà Hoàng Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị T 100.000.000đồng(mỗi người phải trả 50.000.000đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/12/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Nguyên đơn phải trả lại giấy tờ tín chấp cho bị đơn (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CP 179197 do UBND huyện M cấp ngày 06/12/2018 cho bà Hoàng Thị T1).

3.Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh V và bà Hoàng Thị T1 mỗi người chịu 2.500.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Trần Thị T 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003446 ngày 17/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Đức Hợi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Ban tự quản thôn 17, xã E;
- UBND xã E, huyện M;
- Đương sự, người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.